

## Bài thứ 12 : Đại Từ Cá Nhân (Pronoms Personnels)

Anh chị có biết những từ nhỏ bé thường được lặp lại và ước lượng đến hơn 10.500 lần trong Tân Ước ? Tất nhiên đó là các đại từ cá nhân. Các đại từ chỉ định ý nghĩa của sự sở hữu. Vậy đây là một trong các bài « có lợi nhất » từ *Thánh Kinh* !

Nhưng để bài học có thể mang thêm phần hữu dụng cho anh chị, anh chị hãy **(1) bắt đầu đọc** nội dung của bài sau đây để anh chị có thể hiểu tổng quát về đại từ, **(2)** sau đó anh chị *xem từng cột của bảng*, luôn luôn cố gắng không học thuộc lòng, **(3)** cuối cùng *làm bài thực hành* theo các điểm được đưa ra trong bài học.

### Đại từ cá nhân

*Trong tiếng Hy-lạp của Thánh Kinh*, đại từ cá nhân vừa *ít được sử dụng* và cùng lúc đó *sử dụng rất nhiều* :

- **Ít** : đại từ cá nhân **chủ từ** không hẳn là quan trọng vì động từ đã có sự chỉ định của ngôi thứ. Sử dụng đại từ mang tính nhấn mạnh : *ἐγώ εἰμι, (chính tôi) – đó là tôi*
- **Rất nhiều** : đại từ cá nhân ở thể thức **Thuộc Cách** cho phép chuyển tải ý nghĩa của sở hữu : *οἱ μαθηταὶ αὐτοῦ, các môn đồ của Chúa*

Có **3 đại từ** cá nhân : ngôi thứ nhất, thứ nhì và thứ ba. Các đại từ này chuyển đổi (biến thể) ở số ít và số nhiều, tùy theo chúng là đại từ chủ từ hay bổ ngữ.

### Nguyên lý biến thể các đại từ cá nhân

		Ngôi thứ nhất <i>tôi ... chúng tôi</i>		Ngôi thứ nhì <i>anh / chị ... các anh, các chị</i>		Ngôi thứ ba <i>anh ấy, chị ấy, nó ... anh chị ấy, chúng nó</i>		
<b>Danh Cách</b>	<b>SỐ ÍT</b>	ἐγώ		σύ		αὐτός	αὐτή	αὐτό
<b>Đổi Cách</b>		ἐμέ	με	σέ	σε	αὐτόν	αὐτήν	αὐτό
<b>Thuộc Cách</b>		ἐμοῦ	μου	σοῦ	σου	αὐτοῦ	αὐτῆς	αὐτοῦ
<b>Tặng Cách</b>		ἐμοί	μοι	σοί	σοι	αὐτῷ	αὐτῇ	αὐτῷ
		<i>Chúng tôi</i>		<i>Các anh, các chị</i>		<i>An chị ấy, chúng nó</i>		
<b>Danh Cách</b>	<b>SỐ NHIỀU</b>	ἡμεῖς		ὕμεῖς		αὐτοί	αὐταί	αὐτά
<b>Đổi Cách</b>		ἡμᾶς		ὕμᾶς		αὐτούς	αὐτάς	αὐτά
<b>Thuộc Cách</b>		ἡμῶν		ὕμῶν		αὐτῶν	αὐτῶν	αὐτῶν
<b>Tặng Cách</b>		ἡμῖν		ὕμῖν		αὐτοῖς	αὐταῖς	αὐτοῖς

## CHÚ THÍCH : TỪ GHÉP SAU (ENCLITQUES)

Các dạng thức không dấu ἐγώ và số được gọi là **từ ghép sau - enclitique** (gốc từ động từ ἐγκλίνω, *biến thể*) : các từ ghép sau (enclitique) *biến thể* đi theo từ đứng trước để trở thành một đơn vị trong hệ thống đặt dấu, và lúc đó giới từ sẽ mất dấu riêng. Vì thế chúng ta sẽ không sử dụng các từ ghép sau ở ngữ cảnh sau đây ...

- ...ở **đầu câu**: ἐγώ εἰμι ὁ θεὸς Ἀβραάμ, *Ta, Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham*
- ...để thể hiện sự **nhấn mạnh, xác định và lập lại**
- ...sau một **giới từ** : ὁ πιστεύων εἰς ἐμέ, *người nào tin nơi Ta* [Giăng 7:38]

### *Từ vựng*

ἡ ἀρχή, ἡς	sự khởi nguyên, sự bắt đầu	βαπτίζω	tôi thực hiện thánh lễ báp-têm
ἡ ψυχή, ἡς	sự sống, linh hồn	βλέπω	thấy, trông thấy
ἡ δικαιοσύνη, ἡς	công lý, công chính	γράφω	viết, biên soạn
ἡ εἰρήνη, ἡς	sự hòa bình ; sự bình an	εἶ	anh (chị) là
ἡ κεφαλή, ἡς	cái đầu	ἦν	anh (chị) từng là, đã là (thì quá khứ)

